

Số: 256/NMĐSH1-KTATMT

Hậu Giang, ngày 18 tháng 2 năm 2025

V/v Cung cấp dịch vụ “Thực hiện thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại và chất thải công nghiệp phải kiểm soát của Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1 năm 2025”

Kính gửi: Các nhà cung cấp

Chi nhánh Phát điện Dầu khí/ Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1 đang có nhu cầu triển khai công việc “Thực hiện thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại và chất thải công nghiệp phải kiểm soát của Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1 năm 2025”. Chi nhánh Phát điện Dầu khí/ Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1 kính gửi Quý Công ty quan tâm, cung cấp dịch vụ nói trên với nội dung như sau:

1. Phạm vi công việc: Thực hiện thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại và chất thải công nghiệp phải kiểm soát của Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1. Chi tiết như phụ lục 1 đính kèm.
2. Tiến độ thực hiện: 12 tháng
3. Địa điểm thực hiện công việc: Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1, ấp Phú Xuân, thị trấn Mái Dầm, huyện Châu Thành.
4. Hiệu lực báo giá: 120 ngày kể từ ngày chào giá.
5. Thời gian gửi báo giá: trước 09h00 ngày 25/02/2025.
6. Phương thức gửi báo giá: gửi trực tiếp/bưu điện theo địa chỉ tiếp nhận báo giá hoặc qua email, fax.
7. Thông tin liên hệ:

Người nhận: Phòng Kỹ thuật An toàn Môi trường - NMĐ Sông Hậu 1.

Địa chỉ: ấp Phú Xuân, thị trấn Mái Dầm, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

Email: thinhdt@pvpgb.vn; aithk@pvpgb.vn; haipdm@pvpgb.vn; viectt@pvpgb.vn; khoitm@pvpgb.vn; hanhhx@pvpgb.vn

8. Lưu ý:

- Đơn vị báo giá khi gửi báo giá phải gửi kèm theo hồ sơ năng lực, giấy phép kinh doanh và giấy phép xử lý chất thải để chứng minh đủ năng lực báo giá và thực hiện nội dung công việc.

Chi nhánh Phát điện Dầu khí/ Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1 cảm ơn sự hợp tác của Quý Công ty./

Nơi nhận:

- Như trên;
- GD NMNĐ SH1(để b/c);
- Phòng: TM, KHTC;
- Lưu VT, KTATMT (Đ.P.T).

TL. GIÁM ĐỐC CHI NHÁNH PĐDK
KT. GIÁM ĐỐC NMNĐ SÔNG HẬU 1
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Chính

DANH MỤC CHỦNG LOẠI, KHỐI LƯỢNG CHẤT THẢI NGUY HẠI VÀ CHẤT THẢI CÔNG NGHIỆP PHẢI KIỂM SOÁT NĂM 2025

(Đính kèm Công văn số 256 /NMNĐSH1-KTATMT ngày 18/02/2025)

TT	Tên chất thải	Mã CTNH	Trạng thái tồn tại (rắn/lỏng/bùn)	Dự kiến khối lượng (kg)	Ghi chú
I	CHẤT THẢI NGUY HẠI				
1	Vật liệu dùng để mài đã qua sử dụng có các thành phần nguy hại	07 03 10	Rắn	200	
2	Que hàn thải có các kim loại nặng hoặc thành phần nguy hại	07 04 01	Rắn	200	
3	Cặn sơn, sơn và vecni thải có dung môi hữu cơ hoặc các thành phần nguy hại khác	08 01 01	Rắn/lỏng	2.400	
4	Hộp mực in thải có các thành phần nguy hại	08 02 04	Rắn	50	
5	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	Rắn	200	
6	Vật liệu cách nhiệt có amiang thải	11 06 01	Rắn	9.700	
7	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	Rắn	13.500	
8	Nhựa trao đổi ion đã bão hòa hay đã qua sử dụng	12 06 01	Rắn	1.500	
9	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải khác	17 02 04	Lỏng	24.500	

TT	Tên chất thải	Mã CTNH	Trạng thái tồn tại (rắn/lỏng/bùn)	Dự kiến khối lượng (kg)	Ghi chú
10	Các loại dầu truyền nhiệt và cách điện thải khác	17 03 05	Lỏng	3.500	
11	Dầu thải từ thiết bị tách dầu/nước	17 05 04	Lỏng	5.000	
12	Dầu nhiên liệu và dầu diesel thải	17 06 01	Lỏng	3.000	
13	Các loại sáp và mỡ thải	17 07 04	Lỏng	200	
14	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	18 01 03	Rắn	4.200	
15	Pin, ắc quy chì thải	19 06 01	Rắn	200	
16	Hoá chất và hỗn hợp hoá chất phòng thí nghiệm thải, bao gồm hoặc có chứa các chất nguy hại	19 05 02	Rắn/lỏng	5.000	
17	Bao bì mềm (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	18 01 01	Rắn	4.000	
18	Bao bì kim loại cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH, hoặc chứa áp suất chưa đảm bảo rỗng hoặc có lớp lót rắn nguy hại như amiang) thải	18 01 02	Rắn	500	
19	Bao bì cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải bằng các vật liệu khác (như composit)	18 01 04	Rắn	500	
20	Kim loại bị nhiễm các thành phần nguy hại	11 04 01	Rắn	1.000	

TT	Tên chất thải	Mã CTNH	Trạng thái tồn tại (rắn/lỏng/bùn)	Dự kiến khối lượng (kg)	Ghi chú
21	Xỉ hàn có các kim loại nặng hoặc các thành phần nguy hại	07 04 02	Rắn	200	
22	Chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn)	13 01 01	Rắn/lỏng	10	
23	Các thiết bị vỡ, hỏng đã qua sử dụng có chứa thủy ngân (như nhiệt kế)	13 03 02	Rắn	10	
24	Thuỷ tinh, nhựa và gỗ thải có hoặc bị nhiễm các thành phần nguy hại	11 02 01	Rắn	100	
25	Bùn cặn dầu thải từ hệ thống xử lý nước nhiễm dầu	04 02 04		4.000	
II	CHẤT THẢI CÔNG NGHIỆP PHẢI KIỂM SOÁT				
1	Muối từ quá trình khử Chloride trong hệ thống xử lý nước thải FGD	19 12 01	Rắn	3.440.000	
TỔNG				3.523.670	

